

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57/2020/HS-ST**
Ngày 24 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân.

Bà Hoàng Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Trần Thị Minh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2020/HSST, ngày 29 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HS, ngày 11/6/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Minh T**, sinh ngày 15/11/1989 tại Đ, Phú Thọ. Nơi ĐKKHKT: Khu P 1, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Minh T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; Vợ: Nông Thị T, sinh năm 1989 (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bản án số 05/2011/HSST ngày 24/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng tù nhưng hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích.

+ Bản án số 13/2013/HSST ngày 12/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xử phạt 07 tháng tù về Tội cố ý làm hư hỏng tài sản, tổng hợp với mức hình phạt 23 tháng 15 ngày tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 05 ngày 24/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đ (thành án giam), mức hình phạt phải chấp hành là 30 tháng 15 ngày tù giam, tính từ ngày 04/01/2013. Ngày 26/4/2015, T chấp hành xong án phạt tù và toàn bộ bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/3/2020 đến ngày 24/3/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Công K**, sinh ngày 13/12/1978 tại Y, Tuyên Quang. Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Phạm Thanh X, sinh năm 1956; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Có 02 con; con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/3/2020 đến ngày 24/3/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Thành T**, sinh ngày 11/10/1987 tại Đ, Phú Thọ. Nơi ĐKKHKT: Khu L 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành B, sinh năm 1957 và bà Trần Thị B, sinh năm 1963; Vợ: Đoàn Thị H, sinh năm 1998; Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 33/2009/HSST ngày 28/7/2009, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/3/2020 đến ngày 24/3/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Họ và tên: **Ngô Bá N**, sinh ngày 24/5/1988 tại Đ, Phú Thọ. Nơi ĐKKHKT: Khu P 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn T, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962; Vợ: Đặng Thị T, sinh năm 1991; Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Họ và tên: **Phan Hùng D**, sinh ngày 03/02/1988 tại S, Tuyên Quang. Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Ngọc B (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; Vợ: Lục Thị C, sinh năm 1989; Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 90/2006/HSST ngày 26/9/2006, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/3/2020 đến ngày 24/3/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Họ và tên: **Trần Trọng T2**, sinh ngày 08/6/1983 tại Đ, Phú Thọ. Nơi ĐKHKTT: Khu L, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hữu T, sinh năm 1956 và bà Hà Thị T, sinh năm 1957; Vợ: Đỗ Thị Minh T, sinh năm 1986; Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/3/2020 đến ngày 24/3/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Họ và tên: **Trần Văn T1**, sinh ngày 04/02/1982 tại Đ, Phú Thọ. Nơi ĐKHKTT: Khu T, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quý N, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; Vợ: Lê Thị T, sinh năm 1988; Có 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/3/2020 đến ngày 24/3/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. Họ và tên: **Ngô Văn H**, sinh ngày 13/4/1981 tại Đ, Phú Thọ. Nơi ĐKHKTT: Khu T, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn B (đã chết) và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1955; Vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984; Có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/3/2020 đến ngày 24/3/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. Họ và tên: **Nguyễn Hữu N**, sinh ngày 13/7/1988 tại Đ, Phú Thọ. Nơi ĐKHKTT: Khu L, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Hà Thị L, sinh năm 1954; Vợ: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1991; Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

10. Họ và tên: **Nguyễn Quang Đ**, sinh ngày 20/01/1982 tại S, Tuyên Quang. Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh

năm 1941 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1944; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 05/2010/HSST ngày 05/02/2010 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ (Tòa án phúc thẩm xét xử y án). Ngày 13/12/2011 Đ chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/3/2020 đến ngày 24/3/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn L, anh Kiều Mạnh T (anh Lễ có mặt; anh Thường vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 20 phút ngày 21/3/2020 tại khu hồ câu Nguyễn Lễ của gia đình Nguyễn Văn L, sinh năm 1986 thuộc thôn Thượng Bản, xã Q, huyện S, Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện S lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phan Hùng D, Nguyễn Quang Đ, Nguyễn Thành T, Trần Văn T1, Nguyễn Công K, Trần Trọng T2, Trần Minh T, Ngô Văn H về hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. Thu giữ: 49 quân bài tứ lơ khơ, 01 mảnh nilon màu trắng, thu trên chiếu bạc số tiền 8.070.000 đồng (*Tám triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*); Ngoài ra, thu giữ của Ngô Văn H số tiền 1.000.000 đồng, Trần Trọng T: 800.000 đồng, Trần Minh T: 3.100.000 đồng, Phan Hùng D: 260.000 đồng. Tổng số tiền thu giữ là: 13.230.000 đồng (*Mười ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*).

Quá trình điều tra đã xác định:

Khoảng 13 giờ ngày 21/3/2020, sau khi ăn cơm khai trương tại hồ câu Nguyễn Lễ, Trần Minh T, Ngô Bá N, Trần Văn T, Trần Trọng T, Nguyễn Thành T, Phan Hùng D, Nguyễn Quang Đ, Nguyễn Công K, Ngô Văn H, Nguyễn Hữu N cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền (trong đó T1 và Đ góp tiền đánh ké cửa của D và T2, N mượn bài của T2 để đánh bạc bằng hình thức so chất rô với một đối tượng không xác định được tên, tuổi, địa chỉ), tất cả ngồi trên một mảnh nilông màu trắng kích thước 2,3x2m tham gia đánh bạc, quy định mức sát phạt từ 20.000 đồng trở lên. Quá trình đánh bạc T cho K vay 200.000 đồng để K sử dụng đánh bạc.

Các đối tượng đánh bạc đến 14 giờ 20 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện S phát hiện và bắt giữ cùng toàn bộ tang vật. Riêng Ngô Bá N bỏ trốn trước khi Tổ công tác lập biên bản, đến

ngày 23/3/2020 Nhân đến Công an huyện S đầu thú. Số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc như sau:

1. Trần Minh T có 3.500.000 đồng tham gia đánh bạc, Tú lấy 400.000 đồng để đánh bạc trước, thắng bạc được 400.000 đồng, đã thu giữ 800.000 đồng để dưới chiếu bạc và số tiền 3.100.000 đồng cất trong ví mục đích nếu thua hết số tiền 400.000 đồng sẽ sử dụng tiếp để đánh bạc.

2. Nguyễn Công K có 680.000 đồng tham gia đánh bạc (Trong đó số tiền 480.000 đồng của K đánh bạc bị thua hết, K vay của T 200.000 đồng để đánh bạc tiếp). Sau đó K thắng được 50.000 đồng, khi bị bắt K để dưới chiếu bạc (mảnh ni lông màu trắng kích thước 2,3x2m) số tiền 250.000 đồng (đã thu giữ).

3. Nguyễn Thành T có 500.000 đồng tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng bạc 120.000 đồng, khi bị bắt để số tiền 620.000 đồng dưới chiếu bạc (đã thu giữ), khi đánh bạc cho K vay 200.000 đồng (là tiền T cất riêng để trả tiền hồ câu).

4. Ngô Bá N có 500.000 đồng tham gia đánh bạc, không xác định được thắng thua, khi bỏ trốn Nhân để tiền dưới chiếu bạc (đã thu giữ).

5. Phan Hùng D có 400.000 đồng tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng 240.000 đồng, khi bị bắt Dương để số tiền 640.000 đồng dưới chiếu bạc (đã thu giữ). Số tiền 260.000 đồng Dương đã giao nộp không sử dụng vào mục đích đánh bạc mà để mừng cho chủ hồ câu.

6. Trần Trọng T có 400.000 đồng tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc thua 250.000 đồng, khi bị bắt số tiền 150.000 đồng để dưới chiếu bạc (đã thu giữ). Số tiền 800.000 đồng Thế đã giao nộp không sử dụng vào mục đích đánh bạc mà để trả tiền hồ câu và trả nợ.

7. Trần Văn T có 260.000 đồng tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng 60.000 đồng, khi bị bắt T1 để số tiền 320.000 đồng để dưới chiếu bạc (đã thu giữ).

8. Ngô Văn H có 190.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua 120.000 đồng, khi bị bắt Hưng để số tiền 70.000 đồng dưới chiếu bạc (đã thu giữ). Số tiền 1.000.000 đồng Hưng tự nguyện giao nộp không sử dụng đánh bạc.

9. Nguyễn Hữu N có 100.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua hết

10. Nguyễn Quang Đ có 50.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua hết.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng vào việc đánh bạc là: 6.580.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*) nhưng số tiền Cơ quan điều tra thu giữ trên chiếu bạc và trên người Trần Minh T có sử dụng vào mục đích đánh bạc là: 11.170.000 đồng (*Mười một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*), còn chênh lệch là: 4.590.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*).

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 61/CT-VKSSD, ngày 29/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Trần Minh

T, Nguyễn Công K, Nguyễn Thành T, Ngô Bá N, Phan Hùng D, Trần Trọng T, Trần Văn T, Ngô Văn H, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Quang Đ về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Minh T, Nguyễn Công K, Nguyễn Thành T, Ngô Bá N, Phan Hùng D, Trần Trọng T, Trần Văn T, Ngô Văn H, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Quang Đ phạm tội "Đánh bạc".

- Về áp dụng điều luật và hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- + Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự; căn cứ thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Minh T, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành T, Phan Hùng D.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời hạn thử thách đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T, Phan Hùng D mỗi bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời hạn thử thách đối với các bị cáo.

- + Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Công K, Ngô Bá N, Trần Trọng T, Trần Văn T, Ngô Văn H, Nguyễn Hữu N; căn cứ thêm khoản 2 đối với bị cáo Nguyễn Công K, Ngô Bá N, Trần Văn T, Ngô Văn H.

Xử phạt Nguyễn Công K, Ngô Bá N, Trần Trọng T mỗi bị cáo từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ theo quy định.

Xử phạt Trần Văn T, Ngô Văn H, Nguyễn Hữu N mỗi bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ theo quy định.

- + Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Đ từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ theo quy định.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh tụng, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất. Ngoài lời khai nhận tội của các bị cáo, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản hiện trường và toàn bộ những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 14 giờ 20 phút ngày 21/3/2020 tại khu hồ câu Nguyễn Lễ thuộc thôn Thượng Bản, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, các bị cáo Trần Minh T, Ngô Bá N, Trần Văn T, Trần Trọng T, Nguyễn Thành T, Phan Hùng D, Nguyễn Quang Đ, Nguyễn Công K, Ngô Văn H, Nguyễn Hữu N có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền, mức sát phạt từ 20.000 đồng trở lên với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 11.170.000đ (*Mười một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*). Trong đó: 6.580.000đ (*Sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*) là số tiền các bị cáo khai sử dụng vào việc đánh bạc, cụ thể: Trần Minh T có 3.500.000 đồng, Nguyễn Công K có 680.000 đồng, Nguyễn Thành T có 500.000 đồng, Ngô Bá N có 500.000 đồng, Phan Hùng D có 400.000 đồng, Trần Trọng T có 400.000 đồng, Trần Văn T có 260.000 đồng, Ngô Văn H có 190.000 đồng, Nguyễn Hữu N có 100.000 đồng, Nguyễn Quang Đ có 50.000 đồng. Ngoài số tiền trên các bị cáo còn phải chịu trách nhiệm chung về số tiền 4.590.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*) thu trên chiếu bạc nhưng không chứng minh cụ thể của đối tượng nào. Quá trình đánh bạc, không xác định được người khởi xướng, người chuẩn bị dụng cụ đánh bạc, T cho K vay 200.000 đồng để đánh bạc.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như cáo trạng là có căn cứ pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của mỗi bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Các bị cáo phạm tội với tính chất là đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ; vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo được đánh giá như sau: Bị cáo Trần Minh T sử dụng số tiền để đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác trong vụ án và đã từng bị kết án về tội cố ý gây thương tích, tội cố ý làm hư hỏng tài sản nhưng đã được xóa án tích; các bị cáo Nguyễn Thành T đã từng bị kết án về tội cố ý làm hư hỏng tài sản, Phan Hùng D từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản, Nguyễn Quang Đ từng bị kết án về tội chống người thi hành công vụ nhưng đều đã được xóa án tích; các bị cáo Nguyễn Công K, Ngô Bá N, Trần Trọng T, Trần Văn T, Ngô Văn H, Nguyễn Hữu N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Nguyễn Quang Đ sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất trong vụ án.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không có.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:
 - + Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;
 - + Các bị cáo Nguyễn Công K, Ngô Bá N, Trần Trọng T, Trần Văn T, Ngô Văn H, Nguyễn Hữu N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Trần Minh T đã lập công chuộc tội, có xác nhận của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;
 - + Các bị cáo Ngô Bá N đầu thú; Nguyễn Công K có bố vợ là thương binh loại A, Nguyễn Quang Đ có bố được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và mẹ được thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, Trần Văn T có bà nội được tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Ngô Văn H có Giấy khen khi thực hiện nghĩa vụ quân sự tại T đoàn 82 thuộc Quân khu 2, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; Nguyễn Thành T, Phan Hùng D được chính quyền địa phương đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho cải tạo tại địa phương, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp. Vì vậy các chứng cứ có trong hồ sơ đều được thu thập theo trình tự tố tụng và hợp pháp.

[4] Về mức án mà Viện kiểm sát đề nghị:

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có nhân thân tốt (bị cáo Trần Minh T, Nguyễn Thành T, Phan Hùng D và Nguyễn Quang Đ đã được xóa án tích, được coi là có nhân thân tốt). Để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, Hội đồng xét xử thấy không cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam, mà cho các bị cáo Trần Minh T, Nguyễn Thành T, Phan Hùng D hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách; các bị cáo Nguyễn Công K, Ngô Bá N, Trần Trọng T, Trần Văn T, Ngô Văn H, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Quang Đ áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp; giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, chấp hành án là phù hợp.

Xét các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo được hưởng án treo và không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[5] Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S thu giữ:

- 49 (bốn mươi chín) quân bài tứ lơ khơ, 01 (một) mảnh ni lông kích thước (2x2,3)m, hiện không có giá trị sử dụng do vậy cần tịch thu tiêu hủy;

- Số tiền 13.230.000đ (*Mười ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó 8.070.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và 3.100.000 đồng bị cáo Trần Minh T giao nộp (mục đích sử dụng vào việc đánh bạc) do vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại không sử dụng vào mục đích đánh bạc, gồm 1.000.000 đồng thu giữ của Ngô Văn H, 800.000 đồng thu giữ của Trần Trọng T và 260.000 đồng thu giữ của Phan Hùng D, do vậy cần tuyên trả lại cho các bị cáo nhưng giữ lại để Đ bảo thi hành án.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Văn L (chủ hồ câu Nguyễn Lễ) không biết việc các bị cáo đánh bạc trong khu vực hồ câu do Lễ quản lý và đối tượng so chất rô với Nguyễn Hữu N do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ điều tra xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Trần Minh T, Nguyễn Công K, Nguyễn Thành T, Ngô Bá N, Phan Hùng D, Trần Trọng T, Trần Văn T, Ngô Văn H, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Quang Đ phạm tội "Đánh bạc".

II. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự; căn cứ thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Minh T, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành T, Phan Hùng D.

1.1 - Xử phạt Trần Minh T **09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/6/2020).

1.2 - Xử phạt Nguyễn Thành T **07** (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 14 (mười bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/6/2020).

1.3 - Xử phạt Phan Hùng D **07** (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 14 (mười bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/6/2020).

Giao bị cáo Trần Minh T, Nguyễn Thành T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; bị cáo Phan Hùng D cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi các bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Công K, Ngô Bá N, Trần Trọng T, Trần Văn T, Ngô Văn H, Nguyễn Hữu N; căn cứ thêm khoản 2 đối với bị cáo Nguyễn Công K, Ngô Bá N, Trần Văn T, Ngô Văn H.

1.1 - Xử phạt Nguyễn Công K **10** (mười) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/3/2020 đến ngày 24/3/2020 là 03 (ba) ngày quy đổi thành 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 09 (chín) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

1.2 - Xử phạt Ngô Bá N **10** (mười) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

1.3 - Xử phạt Trần Trọng T **09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/3/2020 đến ngày 24/3/2020 là 03 (ba) ngày quy đổi thành 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi

hành 08 (tám) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

1.4 - Xử phạt Trần Văn T **07** (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/3/2020 đến ngày 24/3/2020 là 03 (ba) ngày quy đổi thành 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 06 (sáu) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

1.5 - Xử phạt Ngô Văn H **07** (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/3/2020 đến ngày 24/3/2020 là 03 (ba) ngày quy đổi thành 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 06 (sáu) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

1.6 - Xử phạt Nguyễn Hữu N **06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

3 - Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36, 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Quang Đ **10** (mười) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/3/2020 đến ngày 24/3/2020 là 03 (ba) ngày quy đổi thành 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 09 (chín) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Công K cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Ngô Bá N cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Trần Trọng T, Trần Văn T, Ngô Văn H, Nguyễn Hữu N cho Ủy ban nhân dân xã Hợp Nhất, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Quang Đ cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

III. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.170.000đ (*Mười một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đã chuyển vào tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S.

2. Trả lại cho bị cáo Ngô Văn H 1.000.000 đồng, Trần Trọng T 800.000 đồng, Phan Hùng D 260.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nhưng giữ lại để Đ bảo thi hành án.

2. Tịch thu tiêu hủy: 49 (bốn mươi chín) quân bài tú lơ khơ, 01 (một) mảnh ni lông kích thước (2x2,3)m.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/6/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S).

IV. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

2. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (24/6/2020).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Oanh Nguyễn Văn Vân

Bàn Văn Thế

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND các xã Q, S; Đ, Y, Tuyên Quang; C, Hợp Nhất, Đ, Phú Thọ.
- Các bị cáo;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Thế

